

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27A/2021/HS-ST

Ngày 17-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thực

2. Bà Trần Thị Nơi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà
Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà,
tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HS ngày
02/3/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HS ngày
04/3/2021 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 02/7/1973, tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình.
Nơi cư trú: Thôn 2x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch:
Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1945 và bà Nguyễn
Thị Th, sinh năm 1945; Vợ: Nguyễn Hải H, sinh năm 1974, có 02 con, con lớn
sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp
dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Khương Văn M, sinh năm 1975 (đã chết)

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

* Người đại diện hợp pháp của bị hại:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (Vợ anh M).

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1933 (Mẹ anh M)

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Cháu Khương Văn T1, sinh năm 1998 (Con anh M)

- Cháu Khương Văn T2, sinh năm 2006 (Con anh M)

Đại diện hợp pháp của cháu T2: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (Mẹ
đề cháu T2).

Đều cư trú: Thôn Ng, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp người bị hại: Anh Nguyễn
Việt D, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

* Người làm chứng:

- Ông Bùi Văn Tr, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, thành phố Th, tỉnh Thái Bình

- Anh Khương Văn H1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị H có mặt; anh D, bà T, cháu T1, cháu T2, ông Tr, anh H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 06/10/2020, Nguyễn Văn Tr điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 17C-036.xx (có giấy phép lái xe) trên đường trục xã Đ, huyện H theo hướng đi xã D, huyện H. Khi đi đến đoạn đường giao nhau với đường nhánh thôn Ng, xã Đ, huyện H, do thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ đến mức an toàn nên phần đầu xe bên phải do Tr điều khiển đã đâm vào phần đầu phía bên trái xe mô tô biển kiểm soát 17F3-31xx (kéo theo xe lôi tự chế) do anh Khương Văn M điều khiển (đi từ hướng đường nhánh thôn Ng, xã Đ ra đường trục xã Đ), hậu quả anh M bị thương được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa Hưng Hà, bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, do thương tích nặng không thể cứu chữa nên gia đình đã đưa anh M về nhà, đến 20 giờ 20 phút cùng ngày anh M chết.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 233/PY-PC09 ngày 13/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình kết luận nguyên nhân chết của anh Khương Văn M: “Đa chấn thương vùng đầu, vai, lưng, tay và chân do tai nạn giao thông làm vỡ sụn sọ vùng chẩm trái, đập não. Nạn nhân chết do chấn thương sọ não”.

Bản Cáo trạng số: 32/CT-VKSHH ngày 02/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà đã truy tố Nguyễn Văn Tr về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 điều 260 Bộ luật Hình sự.

Sau khi tai nạn xảy ra, gia đình bị cáo Nguyễn Văn Tr đã đến thăm hỏi và tích cực bồi thường cho gia đình người bị hại. Gia đình bị cáo Tr và gia đình người bị hại đã thỏa thuận: Bị cáo Tr bồi thường số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để hỗ trợ lo hậu sự cho anh M và hỗ trợ tiền ăn, học cho con anh M đến năm 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị H (đại diện hợp pháp của người bị hại) đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác. Bị cáo đã bồi thường xong.

Bị cáo Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã mô tả.

Chị H đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như tại bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn Tr phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm a khoản 1 điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 50; khoản 1, 2 điều 65 Bộ

luật Hình sự, đề nghị phạt bị cáo mức án tù 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo Tr đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Chị H là người đại diện hợp pháp của người bị hại đã nhận đủ số tiền trên và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại H Thái Bình: 01 xe tải nhãn hiệu KIA, màu xanh biển kiểm soát 17C-036.xx; 01 giấy biên nhận thể chấp số 746/GBNTC-360-KHDN ngày 07/5/2020; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008223 ngày 28/02/2014; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 3642440 ngày 11/8/2020. Trả lại anh Nguyễn Việt D (là đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại anh Khương Văn M): 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Cup, màu xanh-tím, biển kiểm soát 17F3-31xx; 01 xe lôi tự chế 02 bánh, thùng xe bung tôn và 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 0161268 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Thái Bình cấp ngày 26/9/2005 mang tên Nguyễn Đức H2 là đúng pháp luật nên không đặt ra giải quyết.

Đối với Giấy phép lái xe hạng A1, C số 340086343858 mang tên Nguyễn Văn Tr, Cơ quan điều tra đã lưu hồ sơ vụ án để phục vụ quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Tr 01 Giấy phép lái xe hạng A1, C số 340086343858 mang tên Nguyễn Văn Tr.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử quyết định phần án phí theo luật định

Bị cáo, Chị H không có tranh luận

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước phiên tòa hôm nay cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn Tr đều khai nhận: Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 06/10/2020, bị cáo điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 17C-036.xx trên trục đường xã Đ, huyện H, khi đến đoạn đường giao nhau với đường nhánh thôn Ng, xã Đ, do thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ đến mức an toàn nên đã đâm vào xe mô tô biển kiểm soát 17F3-31xx do anh Khương Văn M điều khiển, hậu quả làm anh M chết do chấn thương sọ não. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông Bùi Văn Tr, anh Khương Văn H1. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường; Biên bản khám phương tiện, bản ảnh phương tiện; Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 233/PY/PC09 ngày 13/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Bản kết luận giám định số 09/KLGĐĐT-PC09 ngày 29/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình. Hành vi của bị cáo đã vi phạm vào khoản 1 điều 12 Luật giao thông đường bộ; khoản 3 điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải;

Điều 12. Tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe:

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo.

.....
Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ (TTLT số 31/2019)

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

.....
3. Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức; nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc; đoạn đường có mặt đường hẹp, không êm thuận;

Như vậy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Tr đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 điều 260 Bộ luật Hình sự:

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ:

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả vụ án cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có giấy phép lái xe nhưng khi tham gia giao thông đã không tuân thủ luật an toàn giao

thông đường bộ, thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ đến mức an toàn nên đã gây tai nạn giao thông đối với anh Khương Văn M điều khiển mô tô đi từ đường nhánh ra đường trục xã, hậu quả anh Khương Văn M bị chết do chấn thương sọ não, hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại cho tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ do đó cần có hình phạt tương ứng với hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Tuy nhiên cũng xem xét, sau khi gây tai nạn, bị cáo đã thăm hỏi, động viên gia đình người bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường cho gia đình người bị hại với số tiền 200.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có mẹ đẻ là người có công với cách mạng; mặt khác người bị hại cũng có một phần lỗi, khi từ đường nhánh ra đường trục xã không chú ý quan sát, chờ hàng công kênh. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do vậy cần áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật hình sự, không cần buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội, cho bị cáo hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người bị hại anh Khương Văn M gồm: Chị Nguyễn Thị H (vợ anh M), cháu Khương Văn T1, cháu Khương Văn T2 (con anh M), bà Phạm Thị T (mẹ anh M) và bị cáo Tr đã thỏa thuận: Bị cáo bồi thường tất cả các khoản chi phí cho gia đình người bị hại số tiền là: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Chị Nguyễn Thị H (vợ anh M) đã nhận đủ số tiền: 200.000.000 đồng từ gia đình bị cáo, những người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác. Xét việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Tr 01 Giấy phép lái xe hạng A1, C số 340086343858 mang tên Nguyễn Văn Tr.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tr phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn Tr 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Tr cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Nguyễn Văn Tr và đại diện hợp pháp của người bị hại gồm: Chị Nguyễn Thị H (vợ anh M), cháu Khương Văn T1, cháu Khương Văn T2 (con anh M), bà Phạm Thị T (mẹ anh M). Bị cáo bồi thường tất cả các khoản chi phí cho gia đình người bị hại số tiền là: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền: 200.000.000 đồng từ gia đình bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác (bị cáo đã bồi thường xong).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Tr 01 Giấy phép lái xe hạng A1, C số 340086343858 mang tên Nguyễn Văn Tr.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn Tr phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh D, bà T, cháu T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà;
- THADS huyện Hưng Hà;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Sở Tư pháp;
- UBND Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác